

TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1012/2024/KDTM-ST

Ngày: 06-9-2024

V/v “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị Thu Quỳnh

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Huỳnh Văn Phát

2. Ông Lê Phú Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 0021/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 01 năm 2024, về việc “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 7 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 141/2024/QĐST-DS ngày 09 tháng 8 năm 2024 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty Cổ phần Đ.

Trụ sở: 5A ngách D ngõ B T, phường L, quận L, Thành phố Hà Nội.

Đại diện theo pháp luật: Ông Lê Mạnh H, sinh năm 1984 (có mặt).

Nơi cư trú: 17 Tổ A, V, phường P, quận L, Thành phố Hà Nội.

Bị đơn: Công ty TNHH P.

Trụ sở: 243 H, Phường A (Phường A cũ), quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị Hoàng Y, sinh năm 1992 (vắng mặt).

Nơi cư trú: 2 B, Phường B, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 30/11/2023 của nguyên đơn Công ty Cổ phần Đ, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa đại diện theo pháp luật là ông Lê Mạnh H trình bày:

Công ty Cổ phần Đ (gọi tắt là Công ty Đ) được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố H cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp từ năm 2012, hoạt động trong lĩnh vực nhập khẩu, phân phối và bán lẻ pin năng lượng mặt trời và phụ liệu điện. Tháng 8/2020, Công ty Đ cần vốn để nhập khẩu pin năng lượng mặt trời từ nhà cung ứng Risen Energy C.LTD-Trung Quốc, thông qua 02 Hợp đồng nhập khẩu RISEN-VNG05 ngày 12/8/2020 và RISEN-VNG06 ngày 28/8/2020.

Tháng 9/2020, thông qua bà Vũ Thị Thu M (tên thường gọi là H1) và bà Phạm Thị Thanh L (bà L), ông Lê Mạnh H – Đại diện theo pháp luật của Công ty Đ biết đến ông Nguyễn Hiền V là người đại diện theo ủy quyền quyết định toàn bộ hoạt động của Công ty TNHH P (gọi tắt là Công ty P). Thời điểm này, ông V cung cấp thông tin, Công ty P có khả năng cung cấp tài sản đảm bảo cho Công ty Đ mở LC (“Loan Credit”/“Khoản vay tín dụng”) với giá trị hạn mức cấp tín dụng lên đến 11.000.000.000 USD (tương đương 256.000.000.000 đồng). Ông V đề nghị Công ty Đ ký hợp đồng dịch vụ với Công ty P về việc cung cấp tài sản đảm bảo để Công ty Đ mở LC cho khoản vay trên tại Ngân hàng Thương mại cổ phần S (S1).

Ngày 16/9/2020, Công ty Đ và Công ty P ký Hợp đồng dịch vụ số 03HĐTV/2020 về việc phát hành LC, nội dung chính của Hợp đồng như sau:

- Công ty P cam kết cung cấp tài chính cho Công ty Đ bằng hình thức liên doanh hoặc góp vốn không lãi suất để Công ty Đ thực hiện mở LC với giá trị 11.000.000.000 USD (tương đương 256.300.000.000 đồng), được đảm bảo bằng việc Công ty Đ ký quỹ vào tài khoản Công ty P số tiền 7.000.000.000 đồng.

- Công ty Đ đảm bảo ký quỹ trước ngày 18/9/2020.

- Thời gian dự kiến phát hành LC lần đầu là 15/10/2020.

- Công ty Đ được quyền chấm dứt hợp đồng và yêu cầu Công ty P hoàn trả tiền ký quỹ trong vòng 03 ngày khi Công ty P không có khả năng cung cấp tài chính mở LC lần đầu vào ngày 15/10/2020.

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số 03HĐTV/2020 ngày 16/9/2020, theo thỏa thuận giữa các bên thì Công ty Đ đã thanh toán phí dịch vụ cung cấp tài chính thông qua hình thức ký quỹ vào tài khoản số 0033100004469003 của Công ty P mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 là 7.000.000.000 đồng, bằng 03 lần chuyển khoản từ tài khoản số 39993999999 và 39993999888 của Công ty Đ mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần T, theo thông tin chi tiết như sau:

- Lần 1: Ngày chuyển 17/9/2020, tài khoản của Công ty Đ 39993999888, số giao dịch 041CT31202610501, số tiền chuyển khoản 3.750.000.000 đồng;

- Lần 2: Ngày chuyển 17/9/2020, tài khoản của Công ty Đ 39993999999, số giao dịch 041CT31202610502, số tiền chuyển khoản 2.250.000.000 đồng;

- Lần 3: Ngày chuyển 18/9/2020, tài khoản của Công ty Đ 3999 3999 999, số giao dịch 041CT10202620001, số tiền chuyển khoản 1.000.000.000 đồng.

Sau khi nhận tiền, Công ty P không thực hiện được các công việc cung cấp tài chính, hoặc tài sản đảm bảo cho Công ty Đ mở LC cho khoản vay với thời gian dự tính phát hành LC lần đầu ngày 15/10/2020. Đến ngày 18/10/2020, quá 03 ngày kể từ ngày 15/10/2020 nhưng Công ty P vẫn không hoàn trả toàn bộ tiền ký quỹ cho Công ty Đ trong trường hợp không mở được LC như hai bên đã cam kết tại Điều 2 Hợp đồng số 03HĐTV/2020 ngày 16/9/2020. Công ty Đ đã nhiều lần khuyến cáo, nhắc nhở, tạo điều kiện nhưng Công ty P vẫn trốn tránh thực hiện nghĩa vụ theo thỏa thuận tại Hợp đồng.

Ngày 18/6/2021, Công ty Đ và Công ty P ký Bản cam kết xử lý công nợ số BB/01/2021/VNG-PCVN. Theo đó, Công ty Đ và Công ty P xác nhận:

(1) Công ty P đã nhận ký quỹ của Công ty Đ là 7.000.000.000 đồng.

(2) Thống nhất Công ty P đền bù thiệt hại do không mở được LC như đã cam kết là 15.000.000.000 đồng.

Ngoài ra, theo Bản cam kết xử lý công nợ nêu trên, các bên thông qua bàn bạc trao đổi thống nhất Công ty P thanh toán số tiền 3.750.000.000 đồng cho Công ty Đ để cân trừ vào tiền bồi thường thiệt hại nhưng Công ty P vẫn chưa thực hiện thanh toán số tiền này. Vì Công ty P cũng không thực hiện đầy đủ những gì đã cam kết với Công ty Đ ngày 18/6/2021 nên Công ty Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận buộc Công ty P:

(1) Hoàn trả khoản phí dịch vụ cung cấp tài chính thông qua hình thức ký quỹ là: 7.000.000.000 đồng.

(2) Thanh toán lãi phát sinh của số tiền 7.000.000.000 đồng, bắt đầu tính lãi từ thời điểm Công ty P vi phạm hợp đồng cho đến ngày khởi kiện (từ ngày 15/10/2020 đến ngày 06/9/2024, tương đương 1422 ngày), với lãi suất chậm trả 10%/năm. Số tiền là: $7.000.000.000 \text{ đồng} \times (10\%/365 \text{ ngày}) \times 1422 \text{ ngày} = 2.729.041.096 \text{ đồng}$.

(3) Đền bù thiệt hại do không mở được LC như đã cam kết là 15.000.000.000 đồng theo Bản cam kết xử lý công nợ số BB/01/2021/VNG-PCVN ngày 18/6/2021.

Công ty Đ rút một phần yêu cầu khởi kiện về việc không yêu cầu tính lãi đối với khoản tiền đền bù thiệt hại 15.000.000.000 đồng này.

Tổng cộng số tiền yêu cầu Công ty P trả cho Công ty Đ là: (1) + (2) + (3) = 24.729.041.096 đồng.

Nguyên đơn khẳng định các chứng cứ đã được giao nộp, tiếp cận, công khai trong quá trình giải quyết vụ án. Ngoài những chứng cứ đã thu thập tại hồ sơ, không có chứng cứ nào khác cung cấp cho Tòa án.

Bị đơn Công ty TNHH P vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, kể cả tại phiên tòa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu quan điểm:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã được thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Về nội dung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Công ty TNHH P thanh toán số tiền 9.729.041.096 đồng, trong đó tiền gốc là 7.000.000.000 đồng và tiền lãi chậm thanh toán là 2.729.041.096 đồng cho Công ty Cổ phần Đ Toàn Cầu theo Hợp đồng dịch vụ số 03HĐTV/2020 ngày 16/9/2020 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH P.

+ Công ty TNHH P bồi thường thiệt hại số tiền 15.000.000.000 đồng cho Công ty Cổ phần Đ Toàn Cầu theo Bản cam kết xử lý công nợ số BB/01/2021/VNG-PCVN ngày 18/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH P.

+ Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ về việc tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền bồi thường thiệt hại 15.000.000.000 đồng theo Bản cam kết xử lý công nợ số BB/01/2021/VNG-PCVN ngày 18/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH P.

+ Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp:

Công ty Đ khởi kiện yêu cầu giải quyết tranh chấp hợp đồng dịch vụ đối với bị đơn Công ty P có trụ sở tại quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Hợp đồng dịch vụ số 03HĐTV/2020 ngày 16/9/2020 được lập và có chữ ký giữa đại diện Công ty Đ và đại diện Công ty P thể hiện nội dung Công ty P cung cấp tài chính cho Công ty Đ để mở LC (“Loan Credit”/“Khoản vay tín dụng”) nên có cơ sở xác định đây là “Tranh chấp hợp đồng dịch vụ”.

Căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

[2] Về việc vắng mặt của bị đơn:

Tòa án tiến hành tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý, giấy triệu tập ghi tự khai, thông báo tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; giấy triệu tập tham gia phiên tòa; quyết định hoãn phiên

tòa nhưng bị đơn Công ty P vắng mặt. Mặc dù đã được Tòa án triệu tập đến để ghi nhận ý kiến, tiến hành thủ tục giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải cũng như việc tham gia phiên tòa xét xử giải quyết vụ án với nguyên đơn nhưng bị đơn vẫn vắng mặt, đã vi phạm nghĩa vụ giao nộp chứng cứ, tự tước bỏ quyền được chứng minh của mình, phải chịu hậu quả của việc không chứng minh theo quy định tại Điều 91 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Đồng thời, tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 quy định:

“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản, kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”.

Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ yêu cầu khởi kiện, lời trình bày cũng như chứng cứ do nguyên đơn cung cấp để làm cơ sở giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại các Điều 196, 207, 208, 227 và 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn Công ty P.

[3] Về nội dung tranh chấp:

3.1 Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn buộc bị đơn hoàn trả khoản tiền 7.000.000.000 đồng và thanh toán lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm.

Căn cứ Hợp đồng dịch vụ số 03HĐTV/2020 ngày 16/9/2020 giữa Công ty Đ và Công ty P với nội dung Công ty P cung cấp tài chính thông qua hình thức ký quỹ vào tài khoản số 0033100004469003 của Công ty P mở tại Ngân hàng Thương mại cổ phần P1 là 7.000.000.000 đồng hoặc tài sản đảm bảo cho Công ty Đ mở LC cho khoản vay với thời gian dự tính phát hành LC lần đầu là ngày 15/10/2020. Nhưng bị đơn Công ty P vẫn không thực hiện theo đúng thỏa thuận nên đến ngày 18/6/2021 hai bên cùng thỏa thuận tại Bản cam kết xử lý công nợ số BB/01/2021/VNG-PCVN và thống nhất Công ty P còn nợ Công ty Đ số tiền 7.000.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 9, khoản 12 Điều 3, Điều 78, Điều 81, Điều 82 Luật thương mại năm 2005 có cơ sở chấp nhận yêu cầu thanh toán số tiền 7.000.000.000 đồng (1) theo Hợp đồng dịch vụ số 03HĐTV/2020 ngày 16/9/2020 giữa Công ty Đ và Công ty P.

Xét Công ty P phải thanh toán lãi phát sinh với mức lãi suất 10%/năm.

Căn cứ Điều 306 Luật thương mại năm 2005:

“Trường hợp bên vi phạm hợp đồng chậm thanh toán tiền hàng hay chậm thanh toán thù lao dịch vụ và các chi phí hợp lý khác thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu trả tiền lãi trên số tiền chậm trả đó theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về xác định lãi suất trung bình quy định tại Điều 306 của Luật thương mại năm 2005:

“Trường hợp hợp đồng thuộc phạm vi điều chỉnh tại Điều 306 của Luật Thương mại năm 2005 thì khi xác định lãi suất chậm trả đối với số tiền chậm trả, Tòa án căn cứ vào mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường của ít nhất 03 (ba) ngân hàng thương mại (Ngân hàng thương mại cổ phần N, Ngân hàng thương mại cổ phần C1, Ngân hàng N1,...) có trụ sở, chi nhánh hoặc phòng giao dịch tại tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi Tòa án đang giải quyết, xét xử có trụ sở tại thời điểm thanh toán (thời điểm xét xử sơ thẩm) để quyết định mức lãi suất chậm trả, trừ trường hợp các bên có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác”.

Mức lãi suất cho vay, lãi suất nợ quá hạn áp dụng với các tổ chức kinh tế tại thời điểm tháng 9/2024:

- + Ngân hàng N1 - Chi nhánh P2, Thành phố Hồ Chí Minh: 12%/năm;
- + Ngân hàng Thương mại Cổ phần C1 - Chi nhánh B, Thành phố Hồ Chí Minh: 18%/năm;
- + Ngân hàng Thương mại Cổ phần N - Chi nhánh P2, Thành phố Hồ Chí Minh: 15,75%/năm.

Tại phiên tòa, Công ty Đ chỉ yêu cầu Công ty P thanh toán mức lãi do chậm thanh toán là 10%/năm. Căn cứ Điều 5 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 về quyền quyết định và tự định đoạt của đương sự, Hội đồng xét xử chấp nhận mức lãi suất do chậm thanh toán là 10%/năm. Số tiền là 7.000.000.000 đồng x (10%/365 ngày) x 1422 ngày = 2.729.041.096 đồng (2).

Tổng cộng Công ty P phải thanh toán cho Công ty Đ: (1) + (2) = 7.000.000.000 đồng + 2.729.041.096 đồng = 9.729.041.096 đồng.

3.2 Xét yêu cầu của nguyên đơn buộc bị đơn bồi thường thiệt hại là 15.000.000.000 đồng.

Căn cứ khoản 9, khoản 12 Điều 3, Điều 78, Điều 81, Điều 82, Điều 86, Điều 87, Điều 292, Điều 302, Điều 306 Luật thương mại năm 2005 và Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Căn cứ Bản cam kết xử lý công nợ số BB/01/2021/VNG-PCVN ngày 18/6/2021 giữa Công ty Đ và Công ty P, hai bên thống nhất trong trường hợp không mở được LC như cam kết theo Hợp đồng dịch vụ số 03HĐTV/2020 ngày 16/9/2020 thì Công ty P phải bồi thường thiệt hại cho Công ty Đ là 15.000.000.000 đồng. Sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội nên Hội đồng xét xử chấp nhận. Ghi nhận Công ty Đ không yêu cầu thanh toán lãi chậm trả của số tiền bồi thường thiệt hại nêu trên.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh là phù hợp, đúng quy định pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội:

- Công ty Đ không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. H2 lại cho Công ty Đ số tiền tạm ứng án phí là 67.933.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0022653 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 132.729.041 đồng do yêu cầu của Công ty Đ được chấp nhận.

[6] Về quyền kháng cáo:

Đương sự có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 264, Điều 267, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Căn cứ khoản 9, khoản 12 Điều 3, Điều 78, Điều 81, Điều 82, Điều 86, Điều 87, Điều 292, Điều 302, Điều 306 Luật thương mại năm 2005;

- Căn cứ Điều 11 Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao quy định về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;

- Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí toà án;

- Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi, bổ sung năm 2014).

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty Cổ phần Đ:

- Công ty TNHH P thanh toán số tiền 9.729.041.096 (chín tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng), trong đó tiền gốc là 7.000.000.000 (bảy tỷ đồng) và tiền lãi chậm thanh toán là 2.729.041.096 (hai tỷ bảy trăm hai mươi chín triệu không trăm bốn mươi một nghìn không trăm chín mươi sáu đồng) cho Công ty Cổ phần Đ Toàn Cầu theo Hợp đồng dịch vụ số 03HĐTV/2020 ngày 16/9/2020 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH P.

- Công ty TNHH P bồi thường thiệt hại số tiền 15.000.000.000 (mười lăm tỷ đồng) cho Công ty Cổ phần Đ Toàn Cầu theo Bản cam kết xử lý công nợ số BB/01/2021/VNG-PCVN ngày 18/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH P.

- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu của Công ty Cổ phần Đ về việc tính lãi chậm thanh toán đối với số tiền bồi thường thiệt hại 15.000.000.000 (mười lăm tỷ đồng) theo Bản cam

kết xử lý công nợ số BB/01/2021/VNG-PCVN ngày 18/06/2021 giữa Công ty Cổ phần Đ và Công ty TNHH P.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty Cổ phần Đ không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm. H2 lại cho Công ty Cổ phần Đ số tiền tạm ứng án phí 67.933.000 (sáu mươi bảy triệu chín trăm ba mươi ba nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0022653 ngày 27/12/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Công ty TNHH P phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm 132.729.041 (một trăm ba mươi hai triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng).

3. Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của Công ty Cổ phần Đ (đối với các khoản tiền phải trả cho Công ty Cổ phần Đ) cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH P còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với thời gian chậm trả, trừ trường hợp có thỏa thuận khác hoặc pháp luật có quy định khác.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014) thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014), thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (sửa đổi bổ sung năm 2014).

4. Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND quận Phú Nhuận;
- CC THADS quận Phú Nhuận;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vũ Thị Thu Quỳnh